

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 08/01/2022

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	27/06/1997	Hà Tĩnh	7.0	8.5	01/QĐ15/2022	TH002737	
2	Nguyễn Thị Dung	Nữ	18/06/1994	Nghệ An	6.7	7.0	02/QĐ15/2022	TH002738	
3	Hồ Thị Hiền	Nữ	26/06/1994	Nghệ An	7.3	7.5	03/QĐ15/2022	TH002739	
4	Lê Văn Hùng	Nam	10/02/1996	Hà Tĩnh	7.0	6.0	04/QĐ15/2022	TH002740	
5	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	29/03/1970	Nghệ An	6.3	6.0	05/QĐ15/2022	TH002741	
6	Lương Thị Khánh Linh	Nữ	01/05/1995	Nghệ An	7.3	7.5	06/QĐ15/2022	TH002742	
7	La Thị Trà My	Nữ	20/12/1986	Nghệ An	6.3	7.5	07/QĐ15/2022	TH002743	
8	Đặng Văn Nguyên	Nam	25/05/1995	Nghệ An	6.7	7.0	08/QĐ15/2022	TH002744	
9	Lo Thị Sáu	Nữ	20/09/1991	Nghệ An	5.7	7.0	09/QĐ15/2022	TH002745	
10	Bùi Thị Trang	Nữ	24/09/1995	Nghệ An	5.7	7.5	10/QĐ15/2022	TH002746	
11	Nguyễn Thị Kiều Vân	Nữ	28/04/1995	Nghệ An	6.0	8.0	11/QĐ15/2022	TH002747	
12	Hồ Tuấn Anh	Nam	15/10/2003	Nghệ An	5.7	7.0	12/QĐ15/2022	TH002748	
13	Nguyễn Thị Hải Anh	Nữ	02/10/2004	Nghệ An	7.3	7.5	13/QĐ15/2022	TH002749	
14	Phạm Tuấn Anh	Nam	12/10/2004	Nghệ An	5.3	7.0	14/QĐ15/2022	TH002750	
15	Trần Quốc Anh	Nam	17/11/2004	Nghệ An	5.7	6.5	15/QĐ15/2022	TH002751	
16	Nguyễn Văn Cường	Nam	08/09/2004	Nghệ An	6.3	6.5	16/QĐ15/2022	TH002752	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
17	Chu Thị Linh Đan	Nữ	22/08/2004	Nghệ An	6.3	7.5	17/QĐ15/2022	TH002753	
18	Hoàng Văn Đăng	Nam	12/01/2004	Nghệ An	5.3	6.5	18/QĐ15/2022	TH002754	
19	Lưu Thành Đạt	Nam	20/09/2004	Nghệ An	5.3	6.5	19/QĐ15/2022	TH002755	
20	Hoàng Thị Thùy Dung	Nữ	15/12/2004	Nghệ An	6.3	6.5	20/QĐ15/2022	TH002756	
21	Nguyễn Thuý Hằng	Nữ	29/03/2003	Nghệ An	5.3	5.0	21/QĐ15/2022	TH002757	
22	Lê Huy Hiếu	Nam	27/03/2004	Nghệ An	6.3	6.5	22/QĐ15/2022	TH002758	
23	Trương Xuân Hoàng	Nam	06/11/2004	Nghệ An	6.3	6.5	23/QĐ15/2022	TH002759	
24	Phạm Huy Hoàng	Nam	05/09/2003	Nghệ An	6.3	5.0	24/QĐ15/2022	TH002760	
25	Lê Xuân Hùng	Nam	24/10/2003	Nghệ An	6.3	7.0	25/QĐ15/2022	TH002761	
26	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	11/11/2004	Nghệ An	6.3	7.5	26/QĐ15/2022	TH002762	
27	Mạnh Lộc Lợi	Nam	20/08/2003	Nghệ An	5.7	5.0	27/QĐ15/2022	TH002763	
28	Lê Văn Minh	Nam	24/07/2004	Nghệ An	5.3	5.0	28/QĐ15/2022	TH002764	
29	Trần Cảnh Minh	Nam	13/01/2004	Nghệ An	6.0	6.0	29/QĐ15/2022	TH002765	
30	Mạnh Lộc Nam	Nam	06/06/2004	Nghệ An	5.7	6.0	30/QĐ15/2022	TH002766	
31	Phan Thị Quỳnh Nga	Nữ	15/10/2004	Nghệ An	5.3	5.0	31/QĐ15/2022	TH002767	
32	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	03/09/2004	Nghệ An	5.7	5.0	32/QĐ15/2022	TH002768	
33	Nguyễn Thị Uyển Nhi	Nữ	23/04/2004	Nghệ An	5.7	7.0	33/QĐ15/2022	TH002769	
34	Trần Thị Quỳnh Như	Nữ	22/07/2004	Nghệ An	7.0	6.5	34/QĐ15/2022	TH002770	
35	Võ Thị Quỳnh Như	Nữ	03/07/2004	Nghệ An	6.0	6.5	35/QĐ15/2022	TH002771	
36	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	27/11/2004	Nghệ An	6.0	6.5	36/QĐ15/2022	TH002772	
37	Phạm Anh Quân	Nam	06/02/2003	Nghệ An	5.7	5.0	37/QĐ15/2022	TH002773	
38	Lê Văn Quyển	Nam	02/06/2004	Nghệ An	5.7	5.0	38/QĐ15/2022	TH002774	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
39	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	18/07/2004	Nghệ An	5.3	6.5	39/QĐ15/2022	TH002775	
40	Nguyễn Duy Tài	Nam	20/05/2004	Nghệ An	5.7	6.0	40/QĐ15/2022	TH002776	
41	Nguyễn Đình Thành	Nam	07/07/2004	Nghệ An	5.3	6.0	41/QĐ15/2022	TH002777	
42	Nguyễn Đức Thành	Nam	13/06/2004	Nghệ An	6.7	7.0	42/QĐ15/2022	TH002778	
43	Hoàng Thị Thảo	Nữ	19/05/2004	Nghệ An	5.7	6.5	43/QĐ15/2022	TH002779	
44	Lâm Quang Thiện	Nam	26/10/2004	Nghệ An	6.3	6.0	44/QĐ15/2022	TH002780	
45	Lê Văn Thuận	Nam	17/05/2004	Nghệ An	5.7	6.0	45/QĐ15/2022	TH002781	
46	Nguyễn Công Trường	Nam	16/11/2004	Nghệ An	5.7	7.5	46/QĐ15/2022	TH002782	
47	Trần Đức Bắc	Nam	20/3/2004	Nghệ An	6.3	5.0	47/QĐ15/2022	TH002783	
48	Hồ Minh Châu	Nam	19/01/2004	Nghệ An	5.7	5.5	48/QĐ15/2022	TH002784	
49	Hoàng Văn Chiến	Nam	24/6/2003	Nghệ An	6.7	5.0	49/QĐ15/2022	TH002785	
50	Nguyễn Văn Độ	Nam	16/9/2004	Nghệ An	6.3	5.5	50/QĐ15/2022	TH002786	
51	Vũ Quang Dương	Nam	15/6/2004	Nghệ An	6.3	5.0	51/QĐ15/2022	TH002787	
52	Lê Văn Duy	Nam	13/5/2003	Nghệ An	5.3	6.0	52/QĐ15/2022	TH002788	
53	Nguyễn Đình Giáp	Nam	12/8/2004	Nghệ An	5.7	6.5	53/QĐ15/2022	TH002789	
54	Lê Thị Hằng	Nữ	16/5/2004	Nghệ An	5.7	5.0	54/QĐ15/2022	TH002790	
55	Lưu Thị Hậu	Nữ	25/5/2004	Nghệ An	5.3	5.0	55/QĐ15/2022	TH002791	
56	Đậu Viết Hoàng	Nam	16/11/2004	Nghệ An	6.3	5.5	56/QĐ15/2022	TH002792	
57	Hồ Viết Hoàng	Nam	21/10/2004	Nghệ An	5.7	5.0	57/QĐ15/2022	TH002793	
58	Hồ Huy Học	Nam	29/8/2004	Nghệ An	5.7	5.0	58/QĐ15/2022	TH002794	
59	Trần Đức Khang	Nam	20/10/2004	Nghệ An	6.0	6.0	59/QĐ15/2022	TH002795	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
60	Nguyễn Trung Kiên	Nam	05/01/2004	Nghệ An	6.7	6.0	60/QĐ15/2022	TH002796	
61	Nguyễn Thị Lành	Nữ	25/11/2004	Nghệ An	5.3	5.0	61/QĐ15/2022	TH002797	
62	Lê Văn Linh	Nam	10/4/2004	Nghệ An	6.0	5.5	62/QĐ15/2022	TH002798	
63	Nguyễn Thị Linh	Nữ	04/01/2004	Nghệ An	5.7	6.0	63/QĐ15/2022	TH002799	
64	Nguyễn Thị Nhật Linh	Nữ	25/8/2004	Nghệ An	6.0	6.0	64/QĐ15/2022	TH002800	
65	Trần Thị Ngọc Linh	Nữ	30/9/2004	Nghệ An	6.0	5.5	65/QĐ15/2022	TH002801	
66	Vũ Xuân Lý	Nam	27/5/2004	Nghệ An	5.7	7.0	66/QĐ15/2022	TH002802	
67	Nguyễn Văn Nghệ	Nam	18/12/2003	Nghệ An	6.3	5.0	67/QĐ15/2022	TH002803	
68	Lê Công Nguyên	Nam	06/8/2004	Nghệ An	6.0	5.5	68/QĐ15/2022	TH002804	
69	Văn Thị Tú Oanh	Nữ	11/8/2004	Nghệ An	5.7	6.0	69/QĐ15/2022	TH002805	
70	Phan Hồng Pháp	Nam	05/7/2004	Nghệ An	6.0	5.5	70/QĐ15/2022	TH002806	
71	Nguyễn Thị Phương	Nữ	24/4/2004	Nghệ An	6.3	5.5	71/QĐ15/2022	TH002807	
72	Phan Văn Quân	Nam	20/7/2004	Nghệ An	5.3	5.0	72/QĐ15/2022	TH002808	
73	Lê Xuân Quang	Nam	25/12/2004	Nghệ An	6.3	7.0	73/QĐ15/2022	TH002809	
74	Lê Sỹ Quỳnh	Nam	08/4/2004	Nghệ An	6.0	5.0	74/QĐ15/2022	TH002810	
75	Lê Thị Hương Quỳnh	Nữ	01/10/2004	Nghệ An	6.3	5.5	75/QĐ15/2022	TH002811	
76	Nguyễn Xuân Tấn	Nam	14/11/2004	Nghệ An	6.3	5.5	76/QĐ15/2022	TH002812	
77	Đậu Văn Thân	Nam	07/7/2004	Nghệ An	6.3	5.0	77/QĐ15/2022	TH002813	
78	Ngô Trí Thân	Nam	10/4/2004	Nghệ An	6.0	5.5	78/QĐ15/2022	TH002814	
79	Nguyễn Văn Thắng	Nam	25/11/2004	Nghệ An	5.7	5.0	79/QĐ15/2022	TH002815	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
80	Hoàng Văn Thành	Nam	15/7/2003	Nghệ An	5.3	5.0	80/QĐ15/2022	TH002816	
81	Phan Thị Thanh Thúy	Nữ	08/7/2004	Nghệ An	5.7	6.0	81/QĐ15/2022	TH002817	
82	Lê Văn Tiến	Nam	04/7/2004	Nghệ An	5.7	5.0	82/QĐ15/2022	TH002818	
83	Lê Công Triệu	Nam	25/10/2004	Nghệ An	5.7	5.5	83/QĐ15/2022	TH002819	
84	Hoàng Thị Trinh	Nữ	18/4/2004	Nghệ An	6.3	6.0	84/QĐ15/2022	TH002820	
85	Hồ Ngọc Tú	Nam	27/9/2004	Nghệ An	5.3	5.0	85/QĐ15/2022	TH002821	
86	Hoàng Đức Tùng	Nam	21/10/2004	Nghệ An	5.7	5.0	86/QĐ15/2022	TH002822	
87	Lê Thị Tuyền	Nữ	28/9/2004	Nghệ An	6.0	6.0	87/QĐ15/2022	TH002823	
88	Lưu Thị Vân	Nữ	04/4/2004	Nghệ An	6.0	5.0	88/QĐ15/2022	TH002824	
89	Nguyễn Biển Vàng	Nam	19/02/2004	Nghệ An	5.7	6.5	89/QĐ15/2022	TH002825	
90	Hoàng Đức Vũ	Nam	30/4/2004	Nghệ An	6.0	6.5	90/QĐ15/2022	TH002826	
91	Nguyễn Thị Yến	Nữ	16/12/2004	Nghệ An	6.3	5.5	91/QĐ15/2022	TH002827	
92	Hoàng Thái Bảo	Nam	03/02/2004	Nghệ An	5.7	5.0	92/QĐ15/2022	TH002828	
93	Hồ Thị Kiều Chi	Nữ	25/01/2004	Nghệ An	6.0	7.0	93/QĐ15/2022	TH002829	
94	Lê Thế Chiến	Nam	23/8/2004	Nghệ An	5.0	5.5	94/QĐ15/2022	TH002830	
95	Nguyễn Bá Đăng	Nam	31/5/2004	Nghệ An	5.3	5.5	95/QĐ15/2022	TH002831	
96	Hồ Sỹ Đạt	Nam	07/3/2004	Nghệ An	5.0	5.0	96/QĐ15/2022	TH002832	
97	Đoàn Văn Đô	Nam	07/12/2003	Nghệ An	5.7	5.5	97/QĐ15/2022	TH002833	
98	Phan Văn Dũng	Nam	08/11/2004	Nghệ An	5.7	7.0	98/QĐ15/2022	TH002834	
99	Trần Anh Dũng	Nam	27/7/2004	Nghệ An	5.3	7.0	99/QĐ15/2022	TH002835	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
100	Hoàng Văn Hai	Nam	01/01/2004	Nghệ An	6.3	6.0	100/QĐ15/2022	TH002836	
101	Nguyễn Quốc Anh Hiếu	Nam	03/10/2004	Nghệ An	5.7	5.0	101/QĐ15/2022	TH002837	
102	Hồ Văn Hòa	Nam	16/02/2004	Nghệ An	5.7	5.0	102/QĐ15/2022	TH002838	
103	Lê Văn Hoàng	Nam	06/02/2004	Nghệ An	5.0	7.0	103/QĐ15/2022	TH002839	
104	Hoàng Hải Huân	Nam	14/02/2004	Nghệ An	6.3	6.5	104/QĐ15/2022	TH002840	
105	Hồ Sỹ Huy	Nam	21/10/2004	Nghệ An	5.3	6.0	105/QĐ15/2022	TH002841	
106	Nguyễn Văn Huy	Nam	14/10/2003	Nghệ An	5.3	5.0	106/QĐ15/2022	TH002842	
107	Hoàng Thị Linh	Nữ	12/12/2004	Nghệ An	5.3	6.0	107/QĐ15/2022	TH002843	
108	Nguyễn Văn Lĩnh	Nam	02/01/2003	Nghệ An	6.0	5.5	108/QĐ15/2022	TH002844	
109	Nguyễn Bảo Long	Nam	11/3/2004	Nghệ An	5.3	6.5	109/QĐ15/2022	TH002845	
110	Đậu Thị Trà My	Nữ	14/5/2004	Nghệ An	6.3	5.5	110/QĐ15/2022	TH002846	
111	Trương Văn Nam	Nam	26/02/2004	Nghệ An	6.0	5.5	111/QĐ15/2022	TH002847	
112	Dương Thị Như	Nữ	02/02/2004	Nghệ An	5.3	7.5	112/QĐ15/2022	TH002848	
113	Nguyễn Nam Phát	Nam	09/6/2004	Nghệ An	5.7	6.5	113/QĐ15/2022	TH002849	
114	Nguyễn Quốc Phong	Nam	06/02/2004	Nghệ An	6.3	6.0	114/QĐ15/2022	TH002850	
115	Nguyễn Quốc Quân	Nam	06/02/2004	Nghệ An	5.7	5.5	115/QĐ15/2022	TH002851	
116	Bạch Trọng Quang	Nam	28/4/2004	Nghệ An	5.3	7.0	116/QĐ15/2022	TH002852	
117	Lê Khắc Quang	Nam	25/8/2004	Nghệ An	5.3	5.0	117/QĐ15/2022	TH002853	
118	Nguyễn Văn Quang	Nam	17/10/2004	Nghệ An	5.3	5.5	118/QĐ15/2022	TH002854	
119	Nguyễn Văn Quang	Nam	06/8/2004	Nghệ An	6.3	6.0	119/QĐ15/2022	TH002855	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
120	Nguyễn Ngọc Quốc	Nam	20/10/2003	Nghệ An	6.3	6.0	120/QĐ15/2022	TH002856	
121	Nguyễn Thanh Sang	Nam	23/12/2004	Nghệ An	5.3	6.0	121/QĐ15/2022	TH002857	
122	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	17/02/2004	Nghệ An	6.3	5.5	122/QĐ15/2022	TH002858	
123	Hồ Sỹ Hoàng Tân	Nam	19/01/2004	Nghệ An	5.3	7.0	123/QĐ15/2022	TH002859	
124	Lê Bá Tha	Nam	02/12/2004	Nghệ An	6.7	7.0	124/QĐ15/2022	TH002860	
125	Đặng Ngọc Thân	Nam	27/7/2004	Nghệ An	6.3	6.0	125/QĐ15/2022	TH002861	
126	Hoàng Huy Thắng	Nam	05/4/2004	Nghệ An	6.3	6.0	126/QĐ15/2022	TH002862	
127	Trần Đình Thành	Nam	10/11/2004	Nghệ An	5.7	5.5	127/QĐ15/2022	TH002863	
128	Bạch Trọng Thiện	Nam	20/6/2004	Nghệ An	5.7	6.5	128/QĐ15/2022	TH002864	
129	Trương Hữu Trung	Nam	23/6/2004	Nghệ An	5.7	6.0	129/QĐ15/2022	TH002865	
130	Bùi Anh Tuấn	Nam	16/7/2004	Nghệ An	6.3	5.0	130/QĐ15/2022	TH002866	
131	Nguyễn Đình Tuấn	Nam	10/02/2004	Nghệ An	5.7	5.5	131/QĐ15/2022	TH002867	
132	Lê Bá Uy	Nam	03/01/2004	Nghệ An	6.0	5.5	132/QĐ15/2022	TH002868	
133	Hồ Thị Thảo Vân	Nữ	24/12/2004	Nghệ An	6.3	5.0	133/QĐ15/2022	TH002869	
134	Nguyễn Thị Khánh Vân	Nữ	29/7/2004	Nghệ An	5.7	5.5	134/QĐ15/2022	TH002870	
135	Nguyễn Văn Vẻ	Nam	04/10/2004	Nghệ An	5.3	6.0	135/QĐ15/2022	TH002871	
136	Lê Bá Vinh	Nam	09/5/2004	Nghệ An	5.7	6.5	136/QĐ15/2022	TH002872	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

